

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 10 Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 1426/2026/DS - ST.

Ngày: 10/7/2026.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hồ Khánh Linh;

2/ Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Dung - Là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 916/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1928/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2639/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S;

Trụ sở: Lầu A, 2 N, phường X (phường V, Quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Gia T - Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 5122/2025/UQ-TGD ngày 23/10/2025).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Số A H, phường C (Phường H, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Gia T1 trình bày:***

Ngày 19/5/2018, ông Nguyễn Thành Đ có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng TMCP S1 cũ) (gọi tắt là Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Thành Đ, Ngân hàng S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 512341-5739 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng là 2.15%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Thành Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 286.596.100 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Nguyễn Thành Đ đã thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền 278.697.500 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Thành Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Thành Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên căn cứ Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S thì ngày 23/6/2021 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn lại sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 13/10/2025, ông Nguyễn Thành Đ còn nợ các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 32.927.671 đồng;
- Lãi quá hạn: 67.761.989 đồng.

Tổng cộng: 100.689.569 đồng (*Một trăm triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng*).

Do vậy, nguyên đơn Ngân hàng S đã khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Thành Đ phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 13/10/2025 với tổng số tiền 100.689.569 đồng (*Một trăm triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng*) cho Ngân hàng S.

Ngoài ra, ông Nguyễn Thành Đ tiếp tục chịu tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ khi tòa xét xử đến khi trả hết số nợ gốc theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng.

** Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên không ghi nhận được ý kiến.*

** Tại phiên tòa hôm nay:*

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng S – ông Trần Gia T có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Thành Đ phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ tạm tính đến ngày 10/7/2026 với tổng số tiền là 111.861.935 đồng (*Một trăm mười một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng*), trong đó: Nợ gốc: 32.927.671 đồng; Lãi quá hạn: 78.934.264 đồng phát sinh Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 19/5/2018) cho Ngân hàng S .

- Bị đơn, ông Nguyễn Thành Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 10. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đầy đủ, đảm bảo thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu của Ngân hàng S đối với ông Nguyễn Thành Đ là có cơ sở. Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và pháp luật về hợp đồng tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng S khởi kiện ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/7/2026 là 111.861.935 đồng (*Một trăm mười một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng*) phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 19/5/2018). Như vậy, quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng S và ông Nguyễn Thành Đ là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh của Công an phường C, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Thành Đ không còn cư ngụ tại địa chỉ: Số A H, phường C (Phường H, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh do nhà đã giải tỏa, ở đâu không rõ, tuy nhiên, trong hồ sơ khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng S có cung cấp thông tin trong Hợp đồng tín dụng ông Nguyễn Thành Đ khai địa chỉ cư trú tại: Số A H, phường C (Phường H, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

- Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn: Ông Trần Gia T là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo tham gia phiên tòa sơ thẩm, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và ông Trần Gia T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Theo kết quả xác minh của Công an phường C, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Nguyễn Thành Đ không còn cư ngụ tại địa chỉ: Số A H, phường C (Phường H, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh do nhà đã giải tỏa, ở đâu không rõ, tuy nhiên, trong hồ sơ khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng S có cung cấp thông tin trong Hợp đồng tín dụng ông Nguyễn Thành Đ khai địa chỉ cư trú tại: Số A H, phường C (Phường H, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm a khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì: *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.* Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông Nguyễn Thành Đ vẫn vắng mặt. Do ông Nguyễn Thành Đ đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án và căn cứ vào các yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

3.1. *Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng S buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ thanh toán số tiền nợ gốc là 32.927.671 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 19/5/2018 được lập và có chữ ký giữa Ngân hàng S và ông Nguyễn Thành Đ có đủ cơ sở xác định Ngân hàng S đã phát hành cho ông Nguyễn Thành Đ thẻ tín

dụng số 512341-5739 với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng là 2.15%/tháng, lãi suất: cách tính lãi, cách tính các loại phí được quy định tại Điều 23, 24, 25 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối.

Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có hiệu lực pháp luật. Bị đơn vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng và đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và các chứng cứ do phía ngân hàng cung cấp có cơ sở xác định trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 10/7/2026, bị đơn ông Nguyễn Thành Đ còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc là 32.927.671 đồng (*Ba mươi hai triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng*).

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S, buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc 32.927.671 đồng (*Ba mươi hai triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng*) cho Ngân hàng S.

3.2. *Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng S buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ thanh toán tiền lãi tính đến ngày 10/7/2026 là: 78.934.264 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy:*

Xét, do bị đơn ông Nguyễn Thành Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/6/2021 Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Nguyễn Thành Đ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Căn cứ Điều 24.4 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do nguyên đơn công bố được áp dụng cho thẻ tín dụng cấp cho bị đơn là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử nhận có cơ sở chấp nhận yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền lãi tính đến ngày 10/7/2026 là: 78.934.264 đồng (*Bảy mươi tám triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng*).

Ngoài ra, căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thanh toán.

- Ngân hàng S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 196, 207, 208, 227; khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 10/7/2026 là: 111.861.935 đồng (*Một trăm mười một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng*), trong đó: Nợ gốc: 32.927.671 đồng; Lãi quá hạn: 78.934.264 đồng phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết ngày 19/5/2018 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Thành Đ đối với thẻ tín dụng số 512341-5739.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[2]. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.593.097 đồng (*Năm triệu năm trăm chín mươi ba nghìn không trăm chín mươi bảy đồng*).

- Ngân hàng thương mại cổ phần S (Ngân hàng TMCP S1 cũ) không phải chịu án phí. H lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.517.239 đồng (*Hai triệu năm trăm mười bảy nghìn hai trăm ba mươi chín đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004896 ngày 15/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thành Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 19/5/2018 đối với thẻ tín dụng số 512341-5739 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Nguyễn Thành Đ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- TAND TPHCM;
- VKSND Khu vực 10-TP.HCM;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Trang

